

**PHỤ LỤC II.07: TÂY SƠN****KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN TÂY SƠN  
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
<b>I</b>	<b>XÃ BÌNH HÒA</b>	<b>0,000</b>	<b>1,760</b>	<b>0,800</b>	<b>0,000</b>		<b>441,760</b>		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ Trụ loa đi ra sông; Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM			0,300		198	59,400	2000	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐH.28 đi ra nhà ông Võ Văn Ân; Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM			0,270		198	53,460	2011	
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐH.28 đi ra nhà ông Nguyễn Văn Thịnh; Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM			0,230		198	45,540	2002	
4	Tuyến đường từ QL19B đến tuyến đường ĐH.28		0,900			161	144,900	2002	
5	Tuyến đường từ nhà Đào Văn Nhị đến chùa Vĩnh Lộc		0,860			161	138,460	2015	
<b>II</b>	<b>XÃ BÌNH THÀNH</b>	<b>0,000</b>	<b>1,320</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>212,520</b>		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà ông Mân đến nhà ông Nhân		0,650			161	104,650	2014	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã 3 xóm 4 đến đường suối Bà Trung		0,670			161	107,870	2012	
<b>III</b>	<b>XÃ TÂY THUẬN</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,710</b>		<b>108,630</b>		
1	Đường giao thông trong khu dân cư xã Tây Thuận (Mở rộng: Đoạn Từ Tỉnh Lộ 637 đến nhà ông Tài)				0,360	153	55,080	2010	
2	Đường giao thông trong khu dân cư xã Tây Thuận (Mở rộng: Đoạn Từ bê tông đến nhà Trại ông Mãi)				0,350	153	53,550	2010	
<b>IV</b>	<b>XÃ BÌNH NGHI</b>	<b>0,000</b>	<b>1,670</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>268,870</b>		

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
1	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ Cổng chào thôn 3 đến nhà Đình Văn Cự, xóm Thanh, thôn Thủ Thiện Hạ		1,670			161	268,870	2001	
<b>V</b>	<b>XÃ TÂY GIANG</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,770</b>		<b>117,810</b>		
1	Nâng cấp, sửa chữa từ nhà Phạm Tỷ đến nhà Nguyễn Hữu Tài				0,050	153	7,650	2001	
2	Nâng cấp, sửa chữa từ nhà Đặng Thị Hoan đến nhà Nguyễn Thị Dung				0,100	153	15,300	2001	
3	Nâng cấp, sửa chữa từ nhà Huỳnh Bảy đến nhà ông Nguyễn Ngọc Sang				0,145	153	22,185	2004	
4	Nâng cấp, sửa chữa từ nhà bà Trẽ đến nhà 3 Quý				0,130	153	19,890	2003	
5	Nâng cấp, sửa chữa từ nhà Ông Cảnh đến nhà ông Hoàng				0,125	153	19,125	2001	
6	Nâng cấp, sửa chữa từ nhà ông Thành đến nhà Thầy Diệu				0,100	153	15,300	2002	
7	Nâng cấp, sửa chữa từ chợ Đồng Phó đến Trường Tiểu học số 1				0,120	153	18,360	2001	
<b>VI</b>	<b>XÃ BÌNH THUẬN</b>	<b>0,000</b>	<b>4,210</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>1.018,000</b>		
1	Mở rộng BTXM Tuyến ngã tư Thuận Nhứt đi Thuận Hiệp		2,090			128	267,520	2015	
2	Mở rộng sửa chữa BTXM đường từ nhà Trần Ngọc Hòa đi Bình Tân		2,120			354	750,480	2001	
<b>VII</b>	<b>XÃ TÂY XUÂN</b>	<b>0,000</b>	<b>4,200</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>537,600</b>		
1	Nâng cấp sửa chữa, mở rộng BTXM tuyến từ Trung tâm xã đến Làng Cam		4,200			128	537,600	2010	
<b>VIII</b>	<b>THỊ TRẤN PHÚ PHONG</b>	<b>0,000</b>	<b>0,600</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>212,400</b>		
1	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM tổ 6, khối 1		0,600			354	212,400	2010	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
<b>IX</b>	<b>XÃ VĨNH AN</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>2,195</b>	<b>0,000</b>		<b>434,610</b>		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà Đỉnh Hoàng Ganh đến rẫy Đỉnh Truyền			0,870		198	172,260	2001	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà Đỉnh An đến Chợ Vĩnh An			0,682		198	135,036	2000	
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà Duyên Hồng đến nhà Đỉnh Thị khích			0,643		198	127,314	2001	
<b>Tổng cộng</b>		<b>0,000</b>	<b>13,760</b>	<b>2,995</b>	<b>1,480</b>		<b>3.352,200</b>		